

Bản án số: 392/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 12 - 2021

“V/v tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

Bà Trương Thị Thu Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú không tham gia phiên tòa.***

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 305/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/11/2021 và Thông báo số 1659/Tb-TA ngày 06/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Bé C, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số 549, tổ 16, ấp BQ, xã BT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Có mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Ấp BH, xã BT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn Đặng Thị Bé C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T kết hôn vào năm 2009, hôn nhân do mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng dần về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông bà đã ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tuổi.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân Hương, sinh ngày 13/10/2017 và Nguyễn Quốc Hào, sinh ngày 18/01/2010, hiện cháu

Hương đang sống với bà C, cháu Hào đang sống với ông T. Ly hôn bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi 01 con chung tên Nguyễn Thị Xuân Hương, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Bà C đồng ý giao con chung Nguyễn Quốc Hào cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: giải quyết theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết bị đơn Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện đi đến hôn nhân đúng như bà C trình bày. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ông cũng thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay ông chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện giải quyết vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của ông, cụ thể là bà C làm thủ tục sang tên nhà cho ông.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân Hương, sinh ngày 13/10/2017 và Nguyễn Quốc Hào, sinh ngày 18/01/2010. Hiện cháu Hào đang sống cùng ông, cháu Hương đang sống cùng bà. Ly hôn ông cũng thống nhất với ý kiến của bà C là ông nuôi dưỡng cháu Hào, bà nuôi dưỡng cháu Hương, không ai cấp dưỡng cho ai.

Về tài sản chung: ông yêu cầu chia tài sản chung là nhà và đất, cụ thể ông yêu cầu bà C sang tên nhà cho ông, ông sang tên đất cho bà C.

Ông sẽ bổ sung đơn yêu cầu chia tài sản chung trong thời gian 10 ngày kể từ ngày hôm nay, nếu sau 10 ngày ông không gửi đơn yêu cầu xem như ông tự bỏ việc yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo tờ trình ngày 05/11/2021 ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà C và thống nhất không yêu cầu chia tài sản chung. Ông yêu cầu được giữ giấy tờ nhà đất để sau khi con đủ 18 tuổi sẽ sang tên lại cho con và ông yêu cầu phải có mặt 02 người trước khi ký ly hôn, không muốn có ai đi theo, nếu có ai đi theo thì ông không ký ly hôn.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông T. Ông bà có 02 con chung, khi ly hôn yêu cầu được trực tiếp nuôi 01 con chung tên Nguyễn Thị Xuân Hương, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Bà C đồng ý giao con chung Nguyễn Quốc Hào cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T, địa chỉ cư trú của ông T là tại xã BT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Bà C và ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Bà C và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Nay cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông T.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T thừa nhận giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng ông chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện giải quyết về tài sản chung, cụ thể là sang tên quyền sử dụng đối với nhà, đất cho ông. Tòa án có ban hành thông báo số 1373/TB-TA ngày 01/11/2021 yêu cầu ông T cung cấp đơn yêu cầu chia tài sản chung để được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định. Đến ngày 05/11/2021 ông T gửi tờ trình với nội dung xác định đồng ý ly hôn và không yêu cầu chia tài sản chung.

[2.3] Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế ông bà đã không còn chung sống cùng nhau cũng như không còn sự thăm nom, chăm sóc lẫn nhau. Trong suốt thời gian ly thân nhưng ông bà vẫn không thể giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà C yêu cầu ly hôn do mâu thuẫn và ông T cũng thừa nhận mâu thuẫn và đồng ý ly hôn, như vậy cho thấy cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của bà C với ông T là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân Hương, sinh ngày 13/10/2017 và Nguyễn Quốc Hào, sinh ngày 18/01/2010. Hiện cháu Hào đang sống cùng ông T, cháu Hương đang sống cùng bà C. Ly hôn ông bà thống nhất ông T nuôi dưỡng cháu Hào, bà C nuôi dưỡng cháu Hương, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, để đảm bảo ổn định tâm lý, cuộc sống sinh hoạt của con chung và phù hợp với sự thoả thuận của ông bà nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Hương cho bà C được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Hào cho ông T nuôi dưỡng và ông bà không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông bà và thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế

quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Bé C.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đặng Thị Bé C ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyển số 01 ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã BT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho bà Đặng Thị Bé C và ông Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân Hương, sinh ngày 13/10/2017 và Nguyễn Quốc Hào, sinh ngày 18/01/2010. Hiện cháu Hào đang sống cùng ông, cháu Hương đang sống cùng bà. Giao cháu Hào cho ông T được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Hương cho bà C được tiếp tục nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Ông bà và thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đặng Thị Bé C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003307 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Bà Đặng Thị Bé C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND H.Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Hường